

Số: 76/2025/QĐST- HNGĐ

H, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 58/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Sử Nhật T, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 046090002495, cấp ngày 22/11/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C.

Nơi cư trú: 1 Đ, phường H, thành phố H.

- Chị Ngô Thị S, sinh năm 1993.

Căn cước công dân số: 046193018091, cấp ngày 02/03/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C.

Nơi cư trú: 1 Đ, phường H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sử Nhật T và chị Ngô Thị S kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 01 tháng, được gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay UBND phường H, thành phố H) ngày 15/4/2015. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh T, chị S là hợp pháp.

Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh T, chị S cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Sử Nhật T và chị Ngô Thị S xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Sử Ngọc Phương U, sinh ngày 01/12/2014, Sử Hoàng Gia B, sinh ngày 17/3/2017 và Sử Hoàng Gia Q, sinh ngày 26/9/2019. Nguyên vọng của cháu U và cháu Bảo M ở với chị S, nên khi ly hôn anh T, chị S thỏa thuận giao cả 03 con chung cháu Sử Ngọc Phương U, Sử Hoàng Gia B và Sử Hoàng Gia Q cho chị Ngô Thị S Minh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Sử Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung mỗi cháu 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng)/ tháng kể từ tháng 8/2025 trở đi đến khi cháu U, cháu B và cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Sử Nhật T và chị Ngô Thị S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Sử Nhật T và chị Ngô Thị S mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 21 tháng 8 năm 2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Sử Nhật T và chị Ngô Thị S.

- Về nuôi con chung: Giao 03 con chung cháu Sử Ngọc Phương U, sinh ngày 01/12/2014, Sử Hoàng Gia B, sinh ngày 17/3/2017 và Sử Hoàng Gia Q, sinh ngày 26/9/2019 cho chị Ngô Thị S Minh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Sử Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung mỗi cháu 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng)/ tháng kể từ tháng 8/2025 trở đi đến khi cháu U, cháu B và cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Sử Nhật T và chị Ngô Thị S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Sử Nhật T và chị Ngô Thị S mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh T, chị S đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003870 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H, nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 2- Huế;
- Phòng THADS khu vực 2- Huế;
- UBND phường Hoá Châu;
(ĐKKH số 54 ngày 15/4/2015)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh